

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2021

V/v: S - A

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuyên và ông Lương Minh Côn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ : Bà Chu Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2020/TLST – HNGĐ, ngày 23/12/2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hứa Văn S, sinh năm 1987 (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị A, sinh năm 1990 (Vắng mặt không lý do)

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, lời khai tại Tòa án và tại phiên toà anh Hứa Văn S khai: Chúng tôi kết hôn năm 2009, việc kết hôn là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi chửi xô xát nhau vài lần. Sau đó chị A đi làm công ty ít về gia đình, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 tới nay. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hứa Ngọc D sinh ngày 13/6/2010 và Hứa Bảo T, sinh ngày 04/3/2013. Hiện các con đang ở với bố mẹ chị A. Khi ly hôn tôi xin nuôi cháu D, còn cháu T để chị A nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ chị Đoàn Thị A đến Toà án nhưng chị A đều vắng mặt không lý do. Tòa án gặp bà Lê Thị H là mẹ của chị A, bà H cho biết: Ngày 25/12/2020 gia đình tôi có nhận được thông báo thụ lý vụ án số 412 ngày 24/2/2020 của Tòa án huyện Đại Từ về việc anh S xin ly hôn con gái tôi là A. Gia đình tôi đã điện thoại cho cháu A biết, do cháu A đi làm ăn xa không thể về nhà được nên có ý kiến như sau: A nhất trí ly hôn, xin nuôi cháu T và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cháu S và cháu A xây dựng gia đình năm 2009, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lãng và về nhà S làm dâu. Hiện hai cháu có 02 con chung là Hứa Ngọc D và Hứa Bảo T, đang ở với gia đình tôi. Vợ chồng S-A mâu thuẫn từ năm 2017, tôi không rõ nguyên nhân. Đến năm 2018 thì cháu A đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ cho tôi biết và để lại 02 con nhỏ cho vợ chồng tôi trông nom. Hàng tháng cháu chỉ gọi điện thoại về cho bố mẹ và các con. Về tài sản hai cháu không có gì. Cháu S xin ly hôn cháu A gia đình tôi không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, anh S yêu cầu xin ly hôn chị A và được nuôi cháu D, nhất trí để chị A nuôi dưỡng cháu T, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ chung và khoản cho vay không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 BLTTDS; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định: [1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: đối với bị đơn, chị Đoàn Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh A.

[2]. Về nội dung: Anh Hứa Văn S kết hôn với chị Đoàn Thị A kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị A đi làm công ty ít về gia đình dẫn đến việc hai bên ly thân từ năm 2015 đến nay, anh S xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn với chị A.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh S và chị A do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh S, cho anh được ly hôn với chị Đoàn Thị A là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hứa Ngọc D sinh ngày 13/6/2010 và Hứa Bảo T, sinh ngày 04/3/2013. Quá trình giải quyết phía anh S có nguyện vọng được nuôi cháu D, nhất trí để chị A nuôi cháu T. Thực tế hiện tại cháu D và cháu T đang ở với ông bà ngoại, bà Lê Thị Hồng là mẹ đẻ chị A cũng phản A lại ý kiến của chị A là có nguyện vọng muốn nuôi cháu T. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của anh S, giao cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T sẽ do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Anh S xác định không có. Phía chị A vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX không xem xét giải quyết về phần này.

Về án phí: Anh S phải nộp án phí LHST theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hứa Văn S, cho anh S được ly hôn chị Đoàn Thị A.

2. Về con chung: Giao cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Hứa Ngọc D sinh ngày 13/6/2010; chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Hứa Bảo T sinh ngày 04/3/2013 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí. Anh S phải nộp 300.000đ án phí LHST vào NSNN, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - BL số 0013692, ngày 22/12/2020 tại Chi cục THA DS huyện Đ.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HỒNG MÂY

